

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2023

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Mua.

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thúy Liễu, Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 2, xã Hòa L, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp 2, xã Hòa L, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông T và bà Th được mai mối, sau đó tự tìm hiểu được một tháng thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tr, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được 06 đến 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng tiếng nói chung; bà Th không tôn

trọng, chăm lo cho chồng; khi ông nói thì bà Th không nghe mà cự cãi lại, bà Th mâu thuẫn với cha mẹ chồng và ông T nghi ngờ bà Th có quen người đàn ông khác ở bên ngoài nên không thể tiếp tục sống hạnh phúc, mặc dù gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Nay ông T yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với bà Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà được Ủy ban nhân dân xã Hòa L, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 công nhận cho ông bà nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 18/9/2015. Khi ly hôn, ông T yêu cầu giao cháu Ng cho bà Th nuôi dưỡng, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi một phần ý kiến đã trình bày về tài sản chung, ông T đồng ý tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các ý kiến trình bày khác vẫn giữ nguyên và không bổ sung gì khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th nhận được Thông báo thụ lý vụ án, có văn bản trả lời thông báo của Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án bà Th trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà Th thống nhất với ý kiến của ông T đã trình bày về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bà nghi ngờ ông T có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài vì ông thường xuyên điện thoại cho người phụ nữ khác qua zalo mỗi đêm mặc dù bà, cha mẹ và anh chị của ông T khuyên nhiều lần nhưng ông T không sửa chữa, mặc khác khi bà đề cập đến vấn đề này thì ông T rất căng thẳng nên vợ chồng hay xảy ra cự cãi. Do hiện nay vợ chồng bà vẫn còn sống chung nhà, vẫn sinh hoạt vợ chồng bình thường nên bà không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn thương chồng và không muốn con bà thiếu vắng tình cảm của cha hoặc mẹ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà được Ủy ban nhân dân xã Hòa L, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 công nhận cho ông bà nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 18/9/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, bà Th đồng ý nuôi dưỡng cháu Ng, đồng ý ông T cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Th thay đổi một phần ý kiến đã trình bày về tài sản chung, bà Th yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các ý kiến trình bày khác vẫn giữ nguyên và không bổ sung gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TB phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn T. Cho ông Nguyễn Tấn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Th.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 18/9/2015 cho bà Th nuôi dưỡng, ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí: Buộc ông T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Tam Bình được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà Th được mai mối, sau đó tự tìm hiểu thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tr, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông

bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Tòa ông T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng tiếng nói chung; khi ông nói thì bà Th không nghe mà cự cãi lại; không chăm lo cho chồng; bà Th mâu thuẫn với cha mẹ chồng và ông nghi ngờ bà Th có quen người đàn ông khác ở bên ngoài nên không thể tiếp tục chung sống được nữa vì vậy ông T yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với bà Th. Về phía bà Th xác định nguyên nhân mâu thuẫn do ông T nói chuyện với bà rất khó nghe; bà nghi ngờ ông T có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài, ông T thường xuyên điện thoại cho người phụ nữ khác qua zalo mỗi đêm mặc dù bà, cha mẹ và anh chị của ông T khuyên nhiều lần nhưng ông T không sửa chữa, mặc khác khi bà đề cập đến vấn đề này thì ông T rất căng thẳng nên vợ chồng hay xảy ra cự cãi tuy nhiên bà Th xác định vẫn còn tình cảm với ông T nên không đồng ý ly hôn vì không muốn con bà thiếu vắng tình cảm của cha hoặc mẹ.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th có mong muốn được đoàn tụ gia đình tuy nhiên bà Th cũng thừa nhận mặc dù ông bà vẫn sống chung nhà, vẫn còn sinh hoạt vợ chồng tuy nhiên ông T không quan tâm, chăm sóc, thăm hỏi cũng như chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống hàng ngày với bà và có những lời nói rất khó chịu. Bên cạnh đó, từ khi được Tòa án tổ chức động viên, hòa giải cho đến nay ông bà cũng không giải quyết được những mâu thuẫn để vợ chồng hòa hợp đoàn tụ gia đình. Ngoài ra bà Th thừa nhận, bà biết được ông T không còn tình cảm với bà và cũng không yêu thương bà, mặc khác ông T xác định trường hợp nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì ông vẫn không thể tiếp tục chung sống với bà Th được nữa. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Theo ông T, bà Th trình bày, trong quá trình chung sống ông bà được Ủy ban nhân dân xã Hòa L, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 công nhận cho ông bà nuôi con nuôi là cháu Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 18/9/2015. Ông T yêu cầu giao con cho bà Th nuôi dưỡng, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Bà Th cũng đồng ý nuôi dưỡng

cháu Ng nếu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn và đồng ý ông T cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Xét điều kiện nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà Th chưa có nhà ở riêng, phải sống chung gia đình tuy nhiên bà Th hiện nay làm giáo viên, có thu nhập ổn định. Hiện nay cháu Ng còn nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ sẽ đảm bảo cho cháu phát triển hơn về mặt tâm, sinh lý, mặc khác ông T cũng đồng ý giao cháu Ng cho bà Th nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định về chỗ ở, đảm bảo việc chăm sóc, đảm bảo về việc học tập, vui chơi, đảm bảo gắn kết tình cảm mẹ con, cũng như để đảm bảo sự phát triển về tâm, sinh lý và theo nguyện vọng của cháu Ng vì vậy tiếp tục giao cháu Ng cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi, bà Th cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này. Do đó buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông T và bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TB là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Bà Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn T. Cho ông Nguyễn Tấn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 18/9/2015 cho bà Th nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng (Tám trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Ông T và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông T và bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Ông T được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 07/11/2022 theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0011061 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB thành tiền án phí. Ông T phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nữa mới đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Minh Trường**